

Số: 358 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công nhận thành lập Hội Các nhà doanh nghiệp trẻ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về cho phép đổi tên Hội Các nhà doanh nghiệp trẻ thành Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 68-CV/2023-DNT ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 485/TTr-SNV ngày 19 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đại biểu Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ XII (2023 - 2026) thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Hội Liên hiệp thanh niên VN TP.HCM;
- Sở Nội vụ (3b);
- Công an TP;
- VPUB: PCVP/KT, VX;
- Phòng: KT, VX;
- Lưu: VT, (KT-VT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố*)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Doanh nhân Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên tiếng nước ngoài (nếu có): Young Businesspeople Association of Ho Chi Minh City.
- Tên viết tắt (nếu có): YBAHCM.
- Biểu tượng (nếu có):



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Doanh nhân trẻ Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp của các doanh nhân, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại 04 Alexandre De Rhodes, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân phát triển năng lực lãnh đạo của doanh nhân trẻ,

hỗ trợ doanh nhân trẻ phát triển doanh nghiệp bền vững, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Thành phố, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các ngành có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam từ 18 tuổi đến 45 tuổi, là cổ đông và thành viên Ban lãnh đạo doanh nghiệp có tư cách pháp nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đã hoạt động ổn định từ 6 tháng trở lên, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp Hành Hội chấp thuận công nhận là hội viên chính thức.

Hội viên sau 45 tuổi vẫn là Hội viên chính thức của Hội, được hưởng đầy đủ các quyền lợi của hội viên trừ việc ứng cử tham gia vào Ban Chấp hành Hội, Ban Kiểm tra Hội.

2. Hội viên liên kết: Công dân Việt Nam chưa có đủ điều kiện là hội viên chính thức của Hội, có nguyện vọng, tự nguyện và tán thành Điều lệ của Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết của Hội.

3. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam có đóng góp cho sự mạng của Hội, nâng cao hình ảnh và danh tiếng của Hội đối với cộng đồng Doanh nhân trẻ. Hội viên danh dự không đóng phải đóng hội phí và không bị giới hạn độ tuổi, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Ban Chấp Hành Hội xem xét công nhận hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Hội viên chính thức và Hội viên liên kết đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Thủ tục gia nhập Hội: Các cá nhân, tổ chức đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội cần nộp hồ sơ gia nhập Hội tại Văn phòng Hội, gồm:

- Đơn xin tham gia Hội (theo mẫu do Hội quy định);
- Tờ thông tin trích ngang (theo mẫu do Hội quy định);
- Bản sao quyết định thành lập (đối với tổ chức).
- Bản sao giấy phép kinh doanh hoặc quyết định bổ nhiệm (đối với cá nhân).

Ban Thường trực Hội xem xét chấp nhận đơn gia nhập và ra quyết định công nhận hội viên mới. Kể từ ngày Hội có quyết định, hội viên được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau khi kết nạp, Văn phòng Hội thông báo danh sách hội viên mới cho tất cả các hội viên trong Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội làm đơn gửi Thường trực BCH Hội. Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Thường trực BCH Hội thông báo chấp thuận.

b) Ban Thường trực Hội xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và đoàn kết của Hội;
- Mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, mất tích hoặc chết;
- Không tham gia hoạt động Hội theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
- Không đóng hội phí từ 01 (một) năm trở lên, trừ trường hợp có lý do được Ban Thường trực chấp nhận.

c) Ban Thường trực Hội ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên chấm dứt kể từ khi có quyết định chấm dứt tư cách hội viên, Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo đến Ban Chấp hành và toàn thể hội viên của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội
2. Ban Chấp hành
3. Ban Thường trực
4. Ban Kiểm tra
5. Văn phòng, các ban chuyên môn
6. Chi hội

7. Các tổ chức, Câu lạc bộ thuộc Hội (trong đó có báo, tạp chí) được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 3 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

5. Thời gian sinh hoạt định kỳ của Hội viên Hội Doanh Nhân Trẻ thành phố Hồ Chí Minh ít nhất là 06 tháng 1 lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội, đại diện của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, và đại diện từ các cơ quan, tổ chức có hoạt động gắn kết, tham gia phối hợp công tác với Hội (nếu có). Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế thu phí Hội viên, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các thành viên Ban Thường Trực, ủy viên Ban chấp hành, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, và Tổng thư ký. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 4 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành. Sau phiên họp, Ban Chấp hành có nhiệm vụ thông báo đến Hội viên kết quả phiên họp.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 50% ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

e) 01 năm 01 lần, Ban Chấp hành xem xét thực hiện bãi miễn tư cách ủy viên của Ban Chấp hành khi không tham gia 50% hoạt động chức năng trong 1 năm; bổ sung thành viên mới theo quy chế làm việc của Ban Chấp hành (nếu cần thiết).

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên (nếu có). Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực mỗi năm họp 04 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 50% tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có 50% ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Chi hội trực thuộc Hội

1. Việc thành lập, hoạt động, giải thể và chức năng hoạt động, cũng như quyền và trách nhiệm các Chi hội do Ban chấp hành Hội và Ban Thường trực xem xét, ra quyết định và ban hành trong Quy chế của Chi hội.

2. Chi hội tổ chức, triển khai thực hiện hoạt động của Hội và Chi hội theo kế hoạch đã được thông qua bởi Ban Chấp hành Hội, Ban Thường trực và Ban chủ nhiệm của Chi hội.

3. Ban Chủ nhiệm Chi hội là hội viên chính thức của Hội và được phê chuẩn, bổ nhiệm bởi Ban Thường trực Hội. Ban Chủ nhiệm hoạt động theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Thường trực Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

a) Chủ tịch Hội chịu trách nhiệm các hoạt động Hội trước các cấp lãnh đạo, cơ quan quản lý nhà nước và hội viên.

b) Chủ tịch Hội phải là người tham gia Ban thường trực ít nhất 01 nhiệm kỳ trong nhiệm kỳ hiện tại hoặc nhiệm kỳ ngay trước đó.

c) Chủ tịch Hội có nhiệm kỳ 03 năm.

d) Chủ tịch Hội không làm quá 02 nhiệm kỳ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội

a) Tổng thư ký Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, điều hành công việc hàng ngày của Hội theo nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác và theo quy chế của Hội đã được Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội thông qua.

b) Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội bầu, miễn nhiệm và có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

c) Tổng thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội và có những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Thường trực thông qua và báo cáo Ban Chấp hành Hội;

- Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

- Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;

- Quản lý tài liệu của Hội theo quy định của Điều lệ Hội, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội và Văn phòng Hội;

- Thư ký các kỳ Đại hội, các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

2. (các) Phó Tổng thư ký Hội

a) Phó Tổng thư ký Hội do Tổng thư ký Hội đề nghị, được Ban Thường trực Hội chấp thuận bằng văn bản và Chủ tịch Hội ra quyết định bổ nhiệm.

b) Chịu trách nhiệm giúp việc cho Tổng thư ký Hội, thực hiện những công việc được Tổng thư ký Hội phân công và thay mặt Tổng thư ký Hội khi Tổng thư ký Hội vắng mặt hoặc ủy quyền theo quy chế làm việc của Văn phòng Hội.

Điều 20. Câu lạc bộ và các tổ chức trực thuộc Hội

1. Tổ chức, triển khai thực hiện hoạt động của Câu lạc bộ và tổ chức trực thuộc Hội theo kế hoạch đã được thông qua bởi Ban Chấp hành Hội và Ban Thường trực Hội;

2. Quyết định các vấn đề tổ chức Câu lạc bộ như bầu, bổ sung các chức vụ trong Câu lạc bộ theo Quy chế của Câu lạc bộ Hội với số lượng không quá 1/3 số thành viên;

3. Chủ nhiệm Câu lạc bộ và các tổ chức trực thuộc Hội phải là hội viên chính thức của Hội và được phê chuẩn, bổ nhiệm bởi Ban Thường trực Hội;

4. Các Câu lạc bộ trực thuộc Hội được phép tiến hành bầu cử theo Điều lệ và Quy chế riêng của Câu lạc bộ và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Riêng danh sách các ứng viên Chủ nhiệm/ Chủ tịch phải được hiệp thương với Ban Thường trực Hội;

5. Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các thành viên, đánh giá hiệu quả hoạt động và định kỳ báo cáo tới các cấp lãnh đạo Hội;

6. Đề xuất khen thưởng các cấp, đề nghị kỷ luật thành viên theo quy định Hội.

Điều 21. Các Ban chuyên môn

Các Ban chuyên môn được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Hội và không được trái với Điều lệ Hội.

Điều 22. Ban Cố Vấn

Chủ tịch Hội thành lập Ban cố vấn cho Chủ tịch Hội, trong đó có một cố vấn đương nhiên là Chủ nhiệm CLB Hội viên vàng và chủ tịch hội nhiệm kỳ trước (nếu có). Ban cố vấn sẽ hoạt động dựa trên Quy chế Ban cố vấn do Chủ tịch Hội ban hành và theo nhiệm kỳ.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 23. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 24. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 25. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội có nhiều thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Hội được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, Quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Doanh nhân Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 50% số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Doanh nhân Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh gồm 08 Chương, 29 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Doanh nhân Trẻ TP.HCM thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nhân Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.